

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/DS-PT
Ngày: 17-3-2021
V/v tranh chấp thừa kế theo
pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp thừa kế theo pháp luật.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1947; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Nguyễn Văn N (N), sinh năm: 1949;

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông N: ông Nguyễn Ngọc N1, sinh năm: 1964; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 3/7/2019) (có mặt)

Địa chỉ: ấp CV, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1958; (có mặt)

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1966; (có mặt)

Địa chỉ: ấp CV, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

5. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1968; (có mặt)

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn B: Ông Lê Châu T1 – Hội viên hội Luật gia Việt Nam tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L (L) sinh năm: 1964; (có mặt)

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N2 (N2), sinh năm: 1964; (có mặt)

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1963; (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/8/2020)

Địa chỉ: ấp BB, xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

3. Anh Nguyễn Văn B, 41 tuổi; (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2020)

Địa chỉ: ấp BL, xã BT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

4. Chị Nguyễn Thị B2, sinh năm: 1971; (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 21/8/2020)

Địa chỉ: ấp MH, xã MH, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo:

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C;

2. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N (N), Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn B trình bày:

Ông Nguyễn Văn T2 và bà Phạm Thị Đ có tất cả 08 người con, gồm Nguyễn Thị L3 (chết trước cha mẹ, con là Nguyễn Thị L1), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N3 (chết năm 1973, con là Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị B2), Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn L2 (chết năm 2011, không vợ con). Tháng 5/2008, bà Đ chết; cả hai đều không để lại di chúc. Di sản để lại gồm: một căn nhà và vật dụng trong nhà trên thửa 323, tờ 15; thửa 323, tờ 15, diện tích 2.600m² loại đất ONT + CLN; thửa 436, tờ 15, diện tích 1.354m²; thửa 399, tờ 15, diện tích 2.548m², loại đất lúa; thửa 391, tờ 15, diện tích 3.474m², loại đất lúa; thửa 437, tờ 15, diện tích 264m², loại đất NTS và thửa 440, tờ 15, diện tích 1.308m², loại đất CLN.

Tất cả các thửa đất trên hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T2 đứng tên sổ kê mục. Khi còn sống ông T2, bà Đ, có cho chị Nguyễn Thị L1 hai thửa 437, 440, cùng tờ bản đồ số 15. Về quá trình quản lý sử dụng và hiện trạng đất:

Thửa 323, tờ 15, cây cối và căn nhà trên đất do ông T quản lý, sử dụng, hiện trạng tài sản không thay đổi. Ngoài tài sản của ông T2, bà Đ, trên đất còn có nhà ở và các công trình phụ của ông T.

Thửa 436, tờ 15 do ông L quản lý sử dụng, hiện trạng không thay đổi;

Thửa 399, tờ 15 do chị Nguyễn Thị L1 quản lý sử dụng, hiện trạng không thay đổi;

Thửa 391, tờ 15 hiện các nguyên đơn cho anh Nguyễn Văn B thuê, thời hạn thuê từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2021, hiện trạng không thay đổi.

Năm 2013, do ông L không thống nhất cách phân chia tài sản nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay ông bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật căn nhà trên thửa 323, tờ 15 và các thửa 323, 436, 399, 391 cùng tờ 15. Ngoài các tài sản trên, không yêu cầu phân chia các tài sản nào khác. Riêng hai thửa 437, 440 cùng tờ 15 và vật dụng trong căn nhà trên thửa 323, tờ 15 các nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện.

Các nguyên đơn đồng ý hai bản vẽ ngày 31/12/2019 (BL 123, 138), trích lục thửa 399, tờ 15 (BL 148) và kết quả định giá ngày 05/6/2020 (BL 157 – 159) làm cơ sở cho Tòa án giải quyết, không yêu cầu đo đạc, định lại giá.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Cha mẹ ông là Nguyễn Văn T2 và Phạm Thị Đ. Năm 2008, cha mẹ chết nhưng không để lại di chúc. Tài sản để lại là một căn nhà, vật dụng trong căn nhà trên thửa đất 323, tờ 15 và đứng tên sổ mục kê các thửa đất 323, 436, 399, 391, 437, 440, cùng tờ 15. Trong đó, hai thửa 437, 440, cùng tờ 15 trước đây cha mẹ ông đã cho chị Nguyễn Thị L1 nên không còn là di sản của cha mẹ.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, bà Đ gồm: cha mẹ ông T2, bà Đ đều đã chết. Các con là Nguyễn Thị L3 (chết trước ông T2 và bà Đ, con là Nguyễn Thị L1), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N3 (chết năm 1973, con là Nguyễn Văn B và Nguyễn Thị B2), Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M và Nguyễn Văn L2 (chết năm 2011, không vợ, con).

Về quá trình quản lý sử dụng và hiện trạng đất:

+ Thửa 323, tờ 15, cây cối và căn nhà trên đất do ông T quản lý, sử dụng, hiện trạng đất không thay đổi.

+ Hai thửa 436, 399 cùng tờ 15 có hiện trạng không thay đổi, hiện các nguyên đơn cho anh Nguyễn Văn B1 thuê với thời hạn từ tháng 3/2018 đến tháng 3/2021.

+ Thửa 391, tờ 15 không rõ ai đang quản lý sử dụng.

Năm 2013, do các nguyên đơn có thái độ không tốt với ông, lo sợ các anh chị em sau khi phân chia di sản sẽ chuyển nhượng cho người khác trong khi mồ mã cha mẹ chưa làm xong nên ông không thống nhất cách chia thừa kế của các anh chị em. Từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cha mẹ và yêu cầu được nhận kỹ phần bằng hiện vật.

Bị đơn đồng ý hai bản vẽ ngày 31/12/2019 (BL 123, 138), kết quả định giá ngày 05/6/2020 (BL 157 – 159), không đồng ý đo đạc thửa 399, tờ 15 mà chỉ đồng ý sử dụng trích lục thửa 399, tờ 15 (BL 148) làm cơ sở cho Tòa án giải quyết, không yêu cầu đo đạc, định giá lại.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N2 thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Văn L.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L1 trình bày:

Chị là con duy nhất của bà Nguyễn Thị L3 (chết trước năm 2008), là cháu ngoại của ông T2 và bà Đ. Ông bà ngoại sau khi chết, có để lại một căn nhà, vật dụng trong nhà gắn liền với đất. Ngoài ra, ông bà có để lại một số đất tọa lạc tại xã MC, huyện BT. Phần đó do chị quản lý sử dụng từ năm 1996 có diện tích khoảng 2.400m² có nguồn gốc là đất định suất. Trong đó đất khoán là 1.800m²,

kinh tế phụ là 200m² và phần đất dư được nhà nước cho. Sau khi được cấp đất, năm 1996 chị lên nền một phần diện tích khoảng 200m² để cất nhà ở. Đến năm 2006, chị mới về ở với bà Đ. Hiện trạng đất hiện nay có một nền nhà cũ, phần còn lại là đất trồng lúa. Năm 2013, do các bên không thống nhất được cách chia di sản nên phát sinh tranh chấp. Đối với số tài sản tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chị có ý kiến như sau:

Tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị, chị không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật, không đồng ý cho đo đạc thửa 399, tờ 15 mà chỉ đồng ý sử dụng trích lục thửa 399, tờ 15 làm cơ sở cho Tòa án giải quyết.

+ Tài sản là di sản của ông bà ngoại, chị yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật, và yêu cầu được nhận bằng tiền.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B2 trình bày:

Chị là con của ông Nguyễn Văn N3 (chết năm 1972), là cháu nội của ông T2 và bà Đ. Ông N3 chỉ có hai người con là chị và anh Nguyễn Văn B. Nay các nguyên đơn tranh chấp thừa kế theo pháp luật với ông L các thửa đất 323, 436, 399, 391, cùng tờ 15 và căn nhà trên thửa 323, tờ 15, chị cũng đồng ý cùng ông B nhận kỹ phần thế vị của cha, kỹ phần được chia bằng tiền hay hiện vật thì do Tòa án xem xét. Tuy nhiên, chị không nộp đơn yêu cầu độc lập đối với các bên và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B1 trình bày:

Vào khoảng năm 2019, anh có thuê của các nguyên đơn thửa 391, tờ 15 và một thửa đất khác (hiện không tranh chấp) với giá hơn 20.000.000đồng, thời hạn 03 năm (ba), đến tháng 4/2021 là mãn hạn. Đối với việc tranh chấp các bên liên quan đến thửa 391, anh hiện không có ý kiến, bởi hết thời hạn anh sẽ trả đất hoặc thương lượng tiếp tục với người được chia thừa kế sau này. Anh không có tranh chấp cũng không có yêu cầu độc lập đối với các bên và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BT đã quyết định như sau:

Căn cứ các khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, các Điều 227, 228, 244, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 468, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị L1 đối với yêu cầu được nhận di sản thừa kế theo pháp luật.

Phân chia theo pháp luật di sản thừa kế gồm 01 căn nhà (A) trên thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 16.785.000đồng); diện tích 2.808,9m² (phần 1) thuộc một phần thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 168.534.000đồng); diện tích 1.897m² (phần 3) thuộc một phần thửa đất 391, tờ 15 (trị giá 104.335.000đồng) diện tích 1.016,2m² (phần 4,5) thuộc thửa đất 436, tờ 15 (trị giá 55.891.000đồng) diện tích 801m² thuộc một phần thửa đất 399, tờ 15 (trị giá 44.055.000đồng). Tổng giá trị di sản là 389.600.000đồng và giá trị mỗi kỷ phần là 48.700.000đồng. Phân chia cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn T được chia một căn nhà (A) trên thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 16.785.000đồng) và diện tích 2.808,9m² (phần 1) thuộc một phần thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 168.534.000 đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có kèm theo bản vẽ). Đồng tạm giao ông Nguyễn Văn T quản lý kỷ phần của ông Nguyễn Văn L2 số tiền là 48.700.000 đồng, kỷ phần của ông Nguyễn Văn N3 số tiền là 48.700.000đồng và một phần kỷ phần của ông Nguyễn Văn C với số tiền là 39.219.000đồng

- Bà Nguyễn Thị M được chia diện tích 1.897m² (phần 3) thuộc một phần thửa đất 391, tờ 15 (trị giá 104.335.000đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Đồng thời bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn N giá trị kỷ phần là 48.7000.000đồng. Bên cạnh đó, tạm giao cho bà Nguyễn Thị M quản lý một phần kỷ phần của ông Nguyễn Văn C với số tiền là 6.935.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn N được chia kỷ phần thành tiền là 48.700.000 đồng do bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ giao lại.

- Ông Nguyễn Văn L chia được diện tích 1016,2m² (phần 4,5) thuộc thửa đất 436, tờ 15 (trị giá 55.891.000 đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo). Đồng thời ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị L1 phần giá trị chênh lệch là 4.645.000 đồng. Bên cạnh đó tạm giao cho ông L quản lý một phần kỷ phần của ông Nguyễn Văn C với số tiền là 2.546.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị L1 được chia diện tích 801m² thuộc một phần thửa đất 399, tờ 15 (trị giá 44.055.000 đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo) và giá trị chênh lệch là 4.654.000 đồng do ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ giao lại.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn L có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích đất được phân chia như trên.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 1.526,6m² (phần 2) thuộc một phần thửa 391, tờ 15 và diện tích 1.747m² thuộc một phần thửa 399, tờ 15, cùng tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với hai thửa đất 437, 440, cùng tờ 15; vật dụng trong căn nhà trên thửa đất 323, tờ 15 và diện tích 262,7m² (phần 2) thuộc một phần thửa đất 323, tờ 15, tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo)

4. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của hai nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà (A) và vật dụng trong căn nhà trên thửa 323, tờ 15; các thửa 323, 391, 399, 436, 437, 440, cùng tờ 15, tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo)

5. Ngoài tài sản tranh chấp, các tài sản khác gồm cây trái trên thửa đất 323, tờ 15;.... do không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2020, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BT, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B phát biểu quan điểm: Bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ yêu

cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B do Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng các ông không đến tham dự phiên Tòa. Việc các ông không đến tham dự phiên Tòa do hạn hẹp pháp luật, các ông ở gần nhà bị đơn thấy bị đơn không đi nên không đi mà không biết rằng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn là khác nhau. Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các ông, tạm giao kỷ phần mà ông C, ông B được nhận cho các đồng thừa kế khác; tạm giao kỷ phần của ông Nguyễn Văn L2 mà không phân chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông L2 thì sẽ phát sinh hai vụ kiện khác, đòi lại tài sản và tranh chấp thừa kế di sản của ông L2. Mặt khác, ông C là người cao tuổi đáng lẽ ra lúc khởi kiện không phải đóng tạm ứng án phí, nhưng Tòa cấp sơ thẩm thông báo cho ông đóng tạm ứng thì ông đóng. Ông là đối tượng được miễn án phí ngày từ đầu nhưng tạm ứng án phí ông nộp lại sung công quỹ nhà nước. Đề nghị HĐXX xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C và ông B là phù hợp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BT.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Nguyễn Văn T2, bà Phạm Thị Đ. Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện BT đưa vụ án ra xét xử. Quyết định xét xử số 85/2020/QĐST-DS ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện BT ấn định thời gian mở phiên Tòa vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 24/9/2020. Quyết định nêu trên đã được tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn B theo biên bản giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 04/9/2020

nhưng tại phiên Tòa sơ thẩm ngày 24/9/2020 ông C, ông B vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên Tòa số 66/2020/QĐST-DS ngày 24/9/2020 và ấn định thời gian mở lại phiên Tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 15/10/2020. Quyết định hoãn phiên Tòa cũng đã được tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn B thông qua biên bản tổng đạt quyết định và giấy triệu tập ngày 25/9/2020 nhưng ông C và ông B không có mặt tại phiên Tòa ngày 15/10/2020. Ông C và ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C và ông B là phù hợp.

[2] Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị M, chia thừa kế di sản của ông T2, bà Đ theo pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của ông C và ông B bị đình chỉ nhưng do ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn N3 là hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, bà Đ; ông Nguyễn Văn B là người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn N3 nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tạm giao kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L; tạm giao kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn N3 (thừa kế thế vị là anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị B2) cho ông Nguyễn Văn T. Nếu có tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị M, bị đơn ông Nguyễn Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn C về việc ông C là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn đóng tiền tạm ứng án phí, án phí nhưng tạm ứng án phí ông C nộp Tòa án tuyên sung công quỹ là không phù hợp. Xét thấy, ông C thuộc đối tượng được miễn tạm ứng án phí nhưng ông C không có nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên sung công quỹ nhà nước tạm ứng án phí ông C đã nộp là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 86/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BT. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do

kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn C là người cao tuổi nên được miễn án phí. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn B;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 86/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện BT.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, các Điều 227, 228, 244, Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 468, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị M. Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị L1 đối với yêu cầu được nhận di sản thừa kế theo pháp luật.

Phân chia theo pháp luật di sản thừa kế gồm 01 căn nhà (A) trên thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 16.785.000đồng); diện tích 2.808,9m² (phần 1) thuộc một phần thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 168.534.000đồng); diện tích 1.897m² (phần 3) thuộc một phần thửa đất 391, tờ 15 (trị giá 104.335.000đồng) diện tích 1.016,2m² (phần 4,5) thuộc thửa đất 436, tờ 15 (trị giá 55.891.000đồng) diện tích 801m² thuộc một phần thửa đất 399, tờ 15 (trị giá 44.055.000đồng). Tổng giá trị di sản là 389.600.000đồng và giá trị mỗi kỷ phần là 48.700.000đồng. Phân chia cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn T được chia một căn nhà (A) trên thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 16.785.000đồng) và diện tích 2.808,9m² (phần 1) thuộc một phần thửa đất 323, tờ 15 (trị giá 168.534.000 đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có kèm theo bản vẽ). Đồng tạm giao ông Nguyễn Văn T quản lý kỷ phần của ông Nguyễn Văn L2 số tiền là 48.700.000 đồng, kỷ phần của ông Nguyễn Văn N3 số tiền là 48.700.000đồng và một phần kỷ phần của ông Nguyễn Văn C với số tiền là 39.219.000đồng

- Bà Nguyễn Thị M được chia diện tích 1.897m² (phần 3) thuộc một phần thửa đất 391, tờ 15 (trị giá 104.335.000đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre. Đồng thời bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ giao cho ông Nguyễn Văn N

giá trị kỷ phần là 48.7000.000đồng. Bên cạnh đó, tạm giao cho bà Nguyễn Thị M quản lý một phần kỷ phần của ông Nguyễn Văn C với số tiền là 6.935.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn N được chia kỷ phần thành tiền là 48.700.000 đồng do bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ giao lại.

- Ông Nguyễn Văn L chia được diện tích 1016,2m² (phần 4,5) thuộc thửa đất 436, tờ 15 (trị giá 55.891.000 đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo). Đồng thời ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị L1 phần giá trị chênh lệch là 4.645.000 đồng. Bên cạnh đó tạm giao cho ông L quản lý một phần kỷ phần của ông Nguyễn Văn C với số tiền là 2.546.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị L1 được chia diện tích 801m² thuộc một phần thửa đất 399, tờ 15 (trị giá 44.055.000 đồng), tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo) và giá trị chênh lệch là 4.654.000 đồng do ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ giao lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn L có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích đất được phân chia như trên.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 1.526,6m² (phần 2) thuộc một phần thửa 391, tờ 15 và diện tích 1.747m² thuộc một phần thửa 399, tờ 15, cùng tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với hai thửa đất 437, 440, cùng tờ 15; vật dụng trong căn nhà trên thửa đất 323, tờ 15 và diện tích 262,7m² (phần 2) thuộc một phần thửa đất 323, tờ 15, tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo)

4. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của hai nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với

căn nhà (A) và vật dụng trong căn nhà trên thửa 323, tờ 15; các thửa 323, 391, 399, 436, 437, 440, cùng tờ 15, tọa lạc tại xã MC, huyện BT, tỉnh Bến Tre (có bản vẽ kèm theo)

5. Ngoài tài sản tranh chấp, các tài sản khác gồm cây trái trên thửa đất 323, tờ 15;.... do không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về chi phí tố tụng: 7.394.000đồng (bảy triệu ba trăm chín mươi bốn ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị L1 mỗi bên phải chịu số tiền là 1.478.800 đồng. Do ông N (đại diện là ông N1) đã nộp toàn bộ tạm ứng nên ông T, bà M, ông L, chị L1 mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho ông N số tiền là 1.478.800đ (một triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm đồng).

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T được miễn. Hoàn trả lại cho ông T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 3.880.000đồng (ba triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001945 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT.

- Ông Nguyễn Văn N được miễn. Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.365.700đồng (một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 0001944 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT.

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí số tiền 2.435.000đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.215.900đ (một triệu hai trăm mười lăm ngàn chín trăm đồng) theo biên lai thu số 0001947 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT. Bà M phải nộp tiếp số tiền là 1.219.100đồng (một triệu hai trăm mười chín ngàn một trăm đồng).

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí số tiền 2.435.000đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

- Chị Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí số tiền 2.435.000đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng)

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn B đã nộp là 1.365.700đồng (một triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 0001943 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT.

- Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn C đã nộp là 1.215.900đồng (một triệu hai trăm mười lăm ngàn chín trăm đồng)

theo biên lai thu số 0001946 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT.

8. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004216 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT.

- Ông Nguyễn Văn C được miễn. Hoàn lại cho ông C tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004215 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BT.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện BT;
- Chi cục THADS huyện BT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương